TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **70**/2019/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 17 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Hà Thị H**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn S, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu H2**, sinh năm 1959

Địa chỉ: SN 42, tổ 29, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Hà Thị H và ông Nguyễn Hữu H2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Bà Hà Thị H và ông Nguyễn Hữu H2 xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hà T, sinh ngày 17/3/1989. Ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết vì hiện tại cháu T đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung:* Bà Hà Thị H và ông Nguyễn Hữu H2 không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết

- *Về vay nợ chung:* Bà Hà Thị H và ông Nguyễn Hữu H2 đều xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Hà Thị H và ông Nguyễn Hữu H2 cùng thống nhất thoả thuận bà H tự nguyện nhận chịu án phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 150.000đồng *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng),* nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000283 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Trả lại cho bà Hà Thị H số tiền chênh lệch là 150.000đồng *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng).*

Ông Nguyễn Hữu H2 không phải chịu án phí của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND P.P, TP. T (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang